TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 117/2021/HS-PT
Ngày 23/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Đình Quyến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung và ông Y Phi Kbuôr.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Cao Huế- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***:Ông Trần Văn Huy - Chứcvụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số83/2021/TLPT-HS ngày10 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo Nguyễn Văn N về tội "*Tàng trữ và lưu hành tiền giả*". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HSST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

****Bị cáokháng cáo:***

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**; Sinh năm: 1990, tại tỉnh Đ; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ; Chỗ ở: Thôn 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh;Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1958; Con bà: Đặng Thị Y, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ: Đỗ Thị Thúy H (đã ly hôn); Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 10/01/2020 bị Ủy ban nhân dân xã E, huyện C ra Quyết định số 07/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn áp dụng 05 tháng, tính từ ngày 10/01/2020, bị cáo đã chấp hành xong.

Nhân thân: Ngày 07/01/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xử phạt 06 tháng 21 ngày tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 05/2009/HSST. Ngày 15/4/2009 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, được xóa án tích.

Tại Bản án số 28/HSPT ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 03 tháng tù, về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2020, Nguyễn Văn N đưa vợ là chị Nguyễn Thị Kim T đi khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa V thuộc phường T, thành phố B. Tại đây, N nói chuyện và làm quen với một người phụ nữ tên Trang (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đang đi thăm người nhà bị ốm tại bệnh viện (N không biết là thăm ai, bệnh gì). Quá trình nói chuyện thấy N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên T đã hỏi N có đổi tiền thật để lấy tiền giả hay không, với tỷ lệ 1.000.000 đồng tiền thật thì đổi được 5.000.000 đồng tiền giả với mệnh giá 500.000 đồng, được 4.000.000 đồng với tiền có mệnh giá 200.000 đồng, được 3.000.000 đồng với tiền có mệnh giá 100.000 đồng và được 2.500.000 đồng với tiền có mệnh giá 50.000 đồng. Giá này được tính trên tổng số tờ tiền chứ không tính trên tổng giá trị của tiền. Khi nghe Trang nói vậy thì N chưa quyết định mua tiền giả mà chỉ xin số điện thoại của Trang để liên hệ sau.

Khoảng một tuần sau, N sử dụng điện thoại Samsung màu hồng cùng sim số 0352.773.848 của N gọi cho Trang nói muốn đổi 1.000.000 đồng tiền thật để lấy tiền giả gồm tất cả các mệnh giá nhưng chủ yếu là loại 500.000 đồng, Trang đồng ý và hẹn sẽ liên lạc cho N sau. Khoảng 02 tiếng sau, Trang gọi điện thoại cho N nói N đi đến khu vực chợ V thuộc xã E, huyện C, tỉnh Đ để nhận tiền. N đã mượn xe máy của anh Nguyễn Tấn P, là em quen biết ngoài xã hội với vợ của N để đi đến điểm hẹn. Tại đây, có một người nam thanh niên đi xe máy hiệu Wave màu xanh (chưa rõ nhân thân lai lịch) liên lạc với N để giao tiền giả. Sau khi xem qua các tờ tiền giả, N thấy các tờ tiền giả xấu, sợ không sử dụng được nên N gọi điện thoại cho T nói chỉ lấy 500.000 đồng tiền thật để đổi tiền giả, thì Trang đồng ý. N đưa cho người nam thanh niên 600.000 đồng tiền thật (gồm 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) nhưng người này không có tiền để thối lại nên N đồng ý đổi 600.000 đồng tiền thật để lấy tiền giả. Người nam thanh niên đưa cho N 2.700.000 đồng tiền giả gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

Sau khi đổi được tiền giả N mang về nhà và cất giấu vào trong chiếc ví màu đen của chị T nhưng không cho chị T biết. Vào khoảng cuối tháng 6/2020, N có sử dụng tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng để mua chuối chiên tại khu vực Đồi Thông thuộc xã H, thành phố B nhưng bị người bán hàng phát hiện là tiền giả nên N đã lấy tiền thật để thanh toán. Cũng vào cuối tháng 6/2020, N đưa tiền giả cho Nguyễn Vĩnh T 04 lần với tổng số tiền là 1.700.000 đồng để T đi tiêu thụ, cụ thể:

Lần thứ nhất: N đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và nói cho T để sử dụng chứ không nói cho T biết là tiền giả, T cất tiền vào ví rồi đi chơi đến chiều cùng ngày, trên đường đi về nhà thì T đã ghé vào tiệm tạp hóa Cô Bính tại thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đ mua 01 thẻ cào điện thoại mệnh giá 20.000 đồng và 02 lon nước, tổng cộng hết 40.000 đồng. Sau khi mua hàng thì T đã được nhận lại 460.000 đồng tiền thừa và đã tiêu xài hết. Hiện Cơ quan điều tra chưa thu giữ được tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng này.

Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất 01 ngày thì T tiếp tục đến nhà N chơi, đến khoảng 13h00’ cùng ngày, N đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. Khi cầm tờ tiền thì T thấy tờ tiền có nhiều điểm bất thường nên hỏi N có phải tiền giả không thì N cười và gật đầu rồi nói T đi mua đồ ăn về nhà N để ăn uống nên T biết tờ tiền này là tiền giả. T hỏi N tờ tiền 500.000 đồng trước đó N đưa T có phải là tiền giả hay không thì N xác nhận tờ tiền 500.000 đồng N đưa cho T vào ngày hôm trước cũng là tiền giả. T cầm tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng N đưa đi đến tiệm tạp hóa Cô Bính mua 01 thẻ cào điện thoại và một lon nước hết 60.000 đồng, T nhận lại 140.000 đồng tiền thừa và đi đến chợ Trung Hòa thuộc xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk mua đồ ăn mang về nhà N ăn uống hết.

Bà Nguyễn Thị B là chủ hộ kinh doanh tạp hóa bà B khai nhận: Bà là người thường xuyên bán hàng, thỉnh thoảng có chồng và con bà bán giúp. Quá trình kinh doanh bà không phát hiện được bất kỳ ai sử dụng tiền giả để mua hàng. Hiện, Cơ quan điều tra chưa thu giữ được 02 tờ tiền giả có mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 mà T khai nhận sử dụng để mua hàng tại tiệm tạp hóa Cô B.

Lần thứ ba: Khoảng 16h00’ ngày 08/7/2020, T đi đến nhà N chơi, một lúc sau N đưa cho T 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để đi mua đồ. T đã đi đến tiệm tạp hóa Cô M tại thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk do bà Nguyễn Thị Tuyết M làm chủ để mua 01 thẻ cào điện thoại mệnh giá 50.000 đồng. Lúc này, có ông Hoàng Đức T là chồng bà M ra bán hàng cho T. Ông T đã bán cho T 01 thẻ cào điện thoại mệnh giá 50.000 đồng và đưa lại cho T 450.000 đồng tiền thừa. T về đưa cho N số tiền 200.000 đồng còn lại đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ tư: Khoảng 40 phút sau khi mua hàng tại tạp hóa Cô M, N tiếp tục đưa cho T 01 tờ tiền giả có mệnh giá 500.000 đồng và nói T đi mua đồ. T cầm tờ tiền trên đi đến tiệm tạp hóa Cô M để mua thẻ cào điện thoại nhưng đã bị bà Nguyễn Thị Tuyết M phát hiện và giữ lại tờ tiền giả này. Bà M đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng mà T sử dụng để mua hàng tại tiệm tạp hóa Cô M.

Ngoài ra, N còn đưa tiền giả cho Nguyễn Hữu S 02 lần với tổng cộng 700.000 đồng để S đi tiêu thụ, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào cuối tháng 6/2020, T nói cho S biết việc N có tiền giả nhưng không nói rõ là có bao nhiêu và nguồn gốc của số tiền giả. Vài ngày sau, S đi đến nhà N chơi. Tại đây, N đưa cho S 01 tờ tiền giả có mệnh giá 500.000 đồng. Khi cầm tờ tiền thì S biết đây là tiền giả vì đã từng nghe T nói N có tiền giả và thấy tờ tiền có nhiều điểm bất thường như màu sắc nhợt nhạt, không tự nhiên, tại ô cửa sổ của tờ tiền không in nổi mệnh giá. S cầm tờ tiền giả đi đến cửa hàng điện thoại May Mắn tại thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để mua 04 thẻ cào điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 50.000 đồng và được trả lại 300.000 đồng tiền thật. Sau đó, S đi đến nhà anh Võ Nhựt T ở gần đó để chơi và trả nợ cho anh T số tiền 100.000 đồng và cho anh T 01 thẻ cào điện thoại rồi S cùng anh T đi đến nhà N chơi. Trên đường đi, S đã sử dụng 200.000 đồng để mua thuốc lá, nước uống mang đến nhà N sử dụng. Khi đến nhà N, S đưa cho N 01 thẻ cào điện thoại còn 02 thẻ cào điện thoại S đã sử dụng hết. Hiện tờ tiền giả có mệnh giá 500.000 đồng do S sử dụng mua thẻ cào điện thoại tại cửa hàng điện thoại May Mắn đã được đưa vào lưu thông nên Cơ quan An ninh điều tra không thu giữ được.

Lần thứ hai: Khoảng 03 đến 04 ngày sau, S nhắn tin cho N hỏi mượn N 300.000 đồng nhưng N nói không có tiền thật mà chỉ còn 200.000 đồng tiền giả thì S đồng ý lấy. Sau đó, S đi đến nhà N thì N đưa cho S 02 tờ tiền giả mỗi tờ có mệnh giá 100.000 đồng. Khi lấy được tiền, S cầm 02 tờ tiền giả này đi đến nhà của Võ Nhựt T đưa cho T để trả nợ nhưng S không nói cho T biết là tiền giả. Anh T không biết là tiền giả nên đã sử dụng đưa vào lưu thông 02 tờ tiền này nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 300.000 đồng tiền giả còn lại gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng thì N đã đốt do hai tờ tiền này bị ướt nên bị nhòe.

Tại biên bản giám định tiền nghi giả số 676/ĐAL-TTKQ ngày 13/8/2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk kết luận: 02 tờ tiền Polymer mệnh giá 500.000 đồng không phải là do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại bản kết luận giám định số 883/PC09 ngày 25/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: 02 tờ bạc Việt Nam gửi đến giám định mệnh giá 500.000 đồng Polyme có cùng mã số hiệu RT 05913563 là không phải do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành (tiền giả).

Vật chứng của vụ án:Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 02 tờ tiền giả, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, có cùng số seri RT05913563; tạm giữ của Nguyễn Vĩnh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu trắng bạc, số Imei: 359402085926082 kèm 01 sim số 0941610675; tạm giữ của chị Nguyễn Thị Kim T 01 chiếc ví cầm tay màu đen, bên ngoài có kim loại màu trắng xám

dạng chữ LV, 01 điện thoại di động hiệu Samsung model SM-G532G/DS màu hồng, đã bị bể màn hình, số Imei 1: 355213/09/994302/9 và Imei 2: 355214/09/994302/7 kèm sim số 0967317113; tạm giữ của anh Vũ Công T 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đen, bể màn hình, số seri R58KA0G65YB, số kiểu máy SM-J415F/DS, số Imei 1: 351590102317679, số Imei 2: 351591102317677; 01 USB màu xanh nhãn hiệu Kingston chứa 01 file ghi hình có tên "camera quán tạp hóa Cô M".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HSST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Tàng trữ, lưu hành tiền giả*"

Áp dụngkhoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù tại Bản án số: 28/2021/HSPT ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk , buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 06 (Sáu) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 15/7/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử phạt tù đối với 02 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

Ngày 03/3/2021 bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo giữ N yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Bản án sơ thẩm tuyên xử Nguyễn Văn N phạm tội tàng trữ và lưu hành tiền giả theo khoản 1 Điều 207 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.Tòa án Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự,không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HSST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ căn cứ pháp lý kết luận:Vào khoảng thời gian cuối tháng 6 năm 2020 Nguyễn Văn N đổi tiền giả có giá trị tương ứng 2.700.000 đồngvới người chưa rõ nhân thân lai lích, sau đó mang về nhà tại thôn 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cất giấu. Đến cuối tháng 6/2020 N đã đưa cho Nguyễn Vĩnh T 04 lần tiền giả có giá trị tương ứng 1.700.000 đồng để T đi tiêu thụ và đưa cho Nguyễn Hữu S 02 lần tiền giả có giá trị tương ứng 700.000 đồng để S đi tiêu thụ thì bị phát hiện. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm vào tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả". Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"*Tàng trữ, lưu hành tiền giả*"* theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về in, phát và lưu hành tiền Ngân hàng nhà nước Việt nam; Bị cáo có nhân thân xấu, hiện đang chấp hành hình phạt tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", khi xét xử sơ thẩm Tòa án đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N.Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số02/2021/HSST ngày 02/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Tàng trữ, lưu hành tiền giả"*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 28/2021/HSPT ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk , buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 06 (Sáu) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 15/7/2020.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Doãn Đình Quyến